

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Chí Công;

Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/11/2023 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1995. Địa chỉ: xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: phường Thạnh Phước, TP Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Nguyễn M - Sinh năm: 1990. Địa chỉ: xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Nguyễn Thị N và Nguyễn M tìm hiểu quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng ly thân hơn năm nay không ai quan tâm đến ai, không còn

hạnh phúc, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt chị Yến nhận thấy tình cảm không còn nữa nay chị Yến xin được ly hôn với Nguyễn M;

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/9/2014; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 06/7/2017 hiện các con đang sống với Nguyễn M, Nguyễn Thị N đồng ý giao hai con cho Nguyễn M nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà bị đơn Nguyễn M trình bày:

- Về hôn nhân: Nguyễn M và Nguyễn Thị N tìm hiểu quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẫn thương xuyên cự cãi, vợ chồng ly thân hơn năm nay không ai quan tâm đến ai, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nên Nguyễn M đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/9/2014; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 06/7/2017, Nguyễn M đồng ý nuôi 02 con và không yêu cầu Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa Nguyễn Thị N và Nguyễn M theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyễn Thị N và Nguyễn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống giữa Nguyễn Thị N và Nguyễn M phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau, không hạnh phúc, Nguyễn

Thị N và Nguyễn M cùng đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị N và Nguyễn M có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/9/2014; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 06/7/2017, Nguyễn Thị N đồng ý giao hai con cho Nguyễn M nuôi, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng sống với cha và Nguyễn M cũng đồng ý nuôi hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này là phù hợp các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Nguyễn M không yêu cầu Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Nguyễn Thị N và Nguyễn M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Thị N và Nguyễn M cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Nguyễn M được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/9/2014; Nguyễn Hữu T, sinh ngày 06/7/2017.

Nguyễn M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001295, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị N đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/01/2024). Đối với nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm